TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 08 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 08-02-2021
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Huê

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: không.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 235/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/TB-TA ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị L - Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã MQ, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Tuấn T - Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã MQ, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2020, bản tự khai ngày 17 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Tuấn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MQ, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 12 tháng 01 năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T nghiện ma túy và hành hạ, đánh chị L nhiều lần, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều nhưng anh T vẫn không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn anh Hoàng Tuấn T.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Tuấn T có 02 con chung là cháu Lò Đức N, sinh ngày 05-7-2005 và cháu Lò Kim T, sinh ngày 13-01-2007. Ly hôn chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tống đạt hợp lệ các thông báo của Toà án qua chính quyền địa phương xã MQ, huyện TY, tỉnh Yên Bái nhưng anh Hoàng Tuấn T vẫn không có mặt tại Toà án. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh T và Toà án không thể tiến hành hoà giải được.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Toà án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, bị đơn anh Hoàng Tuấn T đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Tuấn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MQ, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 12 tháng 01 năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T nghiện ma túy và thường xuyên chửi mắng đánh đập chị L nên mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng anh T không đến Toà, không có bản khai, như vậy anh T đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng của bản thân. Dẫn đến hôn nhân giữa chị L và anh T ngày càng trầm trọng. Mặt khác, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn anh T là có cơ sở. Do đó có căn cứ cho chị L được ly hôn anh T theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Lò Đức N, sinh ngày 05-7-2005 và cháu Lò Kim T, sinh ngày 13-01-2007. Do anh T nghiện ma túy, không có công việc ổn định không quan tâm đến hai con chung, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T không có mặt tại Tòa án. Nên ly hôn chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Mặt khác, anh chị ly hôn cháu N và cháu T đều có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, cần giao cháu N và cháu T cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Xét thấy anh T vắng mặt tại Toà án, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Toà án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Chị Lò Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và nợ chung, mặt khác do anh T không có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Toà án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5]. Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57,Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn anh Hoàng Tuấn T.

2.Về con chung: Giao cháu Lò Đức N, sinh ngày 05-7-2005 và cháu Lò Kim T, sinh ngày 13-01-2007 cho chị Lò Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi hai con đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu nộp tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2017/0007960 ngày 15-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã MQ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Phương